

Giu-se Lê Minh Thông, O.P.

**Phân tích thuật chuyện
và phân tích cấu trúc
áp dụng vào
Tin Mừng thứ tư**

Trung Tâm Học Vấn Đa-Minh

2008

Cha Giám Tỉnh Dòng Đa-Minh:
Giu-se Ngô Sĩ Đình
đã xét duyệt và chấp thuận
ngày 30 tháng 07 năm 2008.

Cùng tác giả:

- [2008] *Tin Mừng thứ tư song ngữ Hy-lạp – Việt*
281 tr.
- [2008] *Tin Mừng Mác-cô song ngữ Hy-lạp – Việt*
265 tr.

II. Ga 11,1-54: “Chết” và “sống”

1. Dẫn nhập

Tại sao lại “chết” và “sống” mà không phải là “sống” và “chết”? Đoạn Tin Mừng Ga 11,1-54 khởi đầu bằng cái chết của La-da-rô (11,14) và kết thúc bằng việc Thượng Hội Đồng quyết định giết Đức Giê-su (11,47-53). Bầu khí tang tóc, khóc thương bao trùm đoạn văn. Sự kiện Đức Giê-su làm cho La-da-rô sống lại chỉ được trình bày qua mấy chữ ngắn ngủi (11,43). Vì thế đề tài “chết” được nhấn mạnh cần đặt trước. Hai từ “chết” và “sống” để trong ngoặc kép vì các từ này không chỉ có nghĩa thông thường là chết và sống thể lý mà còn có nghĩa khác. Và lại “chết” được để lên trước phù hợp hơn với quy luật sự sống mà Đức Giê-su đề ra ở 12,24: “A-men, a-men, Thầy bảo anh em: Nếu hạt lúa gieo vào lòng đất không chết đi, nó vẫn trơ trọi một mình; nhưng nếu chết đi, nó sinh nhiều hạt.”

Có ba câu hỏi được đặt ra cho đoạn văn 11,1-54. Câu hỏi thứ nhất: Tại sao Đức Giê-su không đến sớm hơn để cứu La-da-rô? Quyết định ở lại thêm hai ngày và để La-da-rô chết liệu có đi ngược lại với tình thương của Người đối với gia đình này không? Ba lần trình thuật nói tới tình cảm của Đức Giê-su dành cho gia đình này: “Đức Giê-su yêu mến Mác-ta, em cô ấy và La-da-rô” (11,5); Đức Giê-su gọi La-da-rô là bạn khi nói với các môn đệ: “La-da-rô, bạn của chúng ta...” (11,11); những người Do-thái cũng đã thốt lên: “Xem kìa! Ông

ta thương anh ấy biết mấy” (11,36). Đức Giê-su yêu mến ba chị em tại sao không đến cứu giúp? Khi Người nói: “Bệnh này không đến nỗi chết” (11,4) nghĩa là có thể cứu, tại sao lại không cứu? Mác-ta và Ma-ri-a có ý trách Đức Giê-su vì cả hai chị em đều nói câu đầu tiên khi gặp Người: “Thưa Thầy, nếu có Thầy ở đây, em con đã không chết” (11,21.32). Những người Do-thái cũng tự hỏi: Tại sao Đức Giê-su làm cho người mù được thấy mà lại không làm cho La-da-rô khỏi chết? (11,37)

Câu hỏi trên dẫn đến câu hỏi thứ hai: Tại sao Đức Giê-su lại làm cho La-da-rô sống lại? Phải chăng Người cố tình để La-da-rô chết để rồi làm cho anh ấy sống lại, như thế sẽ khó hơn và qua đó bày tỏ quyền năng và vinh quang của mình, và Thiên Chúa được tôn vinh? Vì Người đã nói: “Bệnh này không đến nỗi chết, nhưng vì vinh quang của Thiên Chúa, để qua đó Con Thiên Chúa được tôn vinh” (11,4). Phải hiểu thế nào về vinh quang Thiên Chúa và sự tôn vinh ở đây? Chắc chắn Thiên Chúa không cần đến cái chết của con người để được tôn vinh, Đức Giê-su cũng không cần lấy cái chết của La-da-rô để phục vụ cho vinh quang của Thiên Chúa mà không quan tâm đến nỗi đau mất mát của hai chị em Mác-ta và Ma-ri-a. Tại sao Đức Giê-su làm cho La-da-rô sống lại để rồi chính anh ấy lại chết vì sự sống lại của mình? Người thuật chuyện cho biết ở 12,10-11: “Các thượng tế quyết định giết cả La-da-rô, vì tại anh mà nhiều người Do-thái đã bỏ đi và tin vào Đức Giê-su.”

Câu hỏi thứ ba liên quan đến người môn đệ của Đức Giê-su qua mọi thời đại. Tại sao Đức Giê-su làm cho La-da-rô sống lại mà không làm cho người tin và thân nhân của người tin được sống lại? Phải chăng Đức Giê-su yêu thương và ưu đãi gia đình chị em La-da-rô hơn các môn đệ của người? Đây là câu hỏi của người tin đứng trước cái chết của người thân, vậy biến cố Đức Giê-su làm cho La-da-rô sống lại có ý nghĩa gì cho người tin?

Ba câu hỏi trên nảy sinh từ bản văn 11,1-54 thì câu trả lời có thể tìm thấy trong bản văn. Không cần phải đi ra ngoài bản văn này, hay áp đặt vào bản văn những giải thích không có trong bản văn. Những liên hệ trong Kinh Thánh ở ngoài đoạn văn 11,1-54 chỉ có giá trị soi sáng cho bản văn mà thôi. Chúng ta sẽ lần lượt tiếp cận và quan sát bản văn theo các bước đã trình bày trong phần lý thuyết, từ đó phân tích đề tài “chết” và “sống” của La-da-rô, của Đức Giê-su và của người tin để trả lời cho ba câu hỏi nêu trên.

2. Giới hạn đoạn văn 11,1-54

Trước khi tìm hiểu chính đoạn văn 11,1-54, cần trả lời câu hỏi: Tại sao lại giới hạn đoạn văn từ câu 1 đến 54? Những dấu hiệu nào cho phép chia đoạn văn như thế? Trong các ch. 10 và 11, có sự chuyển tiếp đề tài ở cuối ch. 10 và đầu ch. 11 và sự thay đổi về thời gian ở 11,54 và 11,55.

Cuối ch. 10, “Đức Giê-su lại ra đi, sang bên kia Gio-đan, đến chỗ trước kia Gio-an đã làm phép rửa, và Người ở lại đó” (10,40). Nhiều người đến với Đức Giê-su và nói rằng: “Gio-an đã không làm một dấu lạ nào cả, nhưng mọi điều Gio-an nói về người này đều đúng” (10,41). Người thuật chuyện kết thúc ch. 10 trong lạc quan: “Ở đó, nhiều người đã tin vào Người” (10,42). Đầu ch. 11, đề tài mới được dẫn vào: “Có một người bệnh là La-da-rô ở Bê-ta-ni-a, làng của Mác-ta và Ma-ri-a, em chị ấy” (11,1). Vậy có thể khởi đầu đoạn văn mới từ 11,1.

Cuối câu chuyện, có sự thay đổi về thời gian giữa các câu 11,54 và 11,55. Sau khi Thượng Hội Đồng quyết định giết Đức Giê-su (11,53), câu chuyện kết thúc ở 11,54: “Vậy Đức Giê-su không đi lại công khai giữa những người Do-thái nữa; nhưng từ nơi ấy, Người đến một vùng gần hoang địa, vào một thành gọi là Ép-ra-im, và Người ở lại đó với các môn đệ.” Câu tiếp theo, 11,55, dẫn vào một bối cảnh khác: “Khi ấy gần đến lễ Vượt Qua của những người Do-thái, và từ miền quê, nhiều người lên Giê-ru-sa-lem để thanh tẩy họ trước lễ Vượt Qua” (11,55). Những sự kiện xoay quanh lễ Vượt qua này được kể lại trong ch. 12.

11,1-54 làm thành một đoạn văn trong Tin Mừng thứ tư và thuật lại ba sự kiện: (1) La-da-rô chết và gia đình người chết; (2) Đức Giê-su gọi La-da-rô ra khỏi mồ; (3) Thượng hội đồng quyết định giết Đức Giê-su.

3. Bối cảnh văn chương

Có nhiều liên hệ văn chương giữa đoạn văn 11,1-54 với những đoạn văn trước và sau nó. Những đề tài đã trình bày trước, gặp thấy trong đoạn văn 11,1-54: (1) Những kẻ chống đối tìm giết Đức Giê-su (11,8); (2) Đề tài ánh sáng (11,9-10); (3) Nhắc lại dấu lạ người mù (11,37) ở ch. 9. Về những liên hệ sau của đoạn văn 11,1-54, có sự xuất hiện của các nhân vật: Các thượng tế, những người Pha-ri-sêu, Mác-ta, Ma-ri-a, La-da-rô ở 11,55-57 và đầu ch. 12. Sau đoạn văn 11,1-54, dấu lạ La-da-rô ra khỏi mồ được nhắc đến ba lần ở 12,1.9.17. Các liên hệ này có thể trình bày chi tiết như sau:

Đoạn văn 11,1-54 có liên hệ chặt chẽ với ch. 10 qua lời cảnh báo của các môn đệ ở 11,8: “Thưa Ráp-bi, mới đây những người Do-thái tìm ném đá Thầy, mà Thầy lại đi đến đó sao?” Thật vậy, cuối ch. 10, Đức Giê-su đã bị những người Do-thái kết tội phạm thượng, họ nói với Người: “Không phải vì một việc tốt đẹp mà chúng tôi ném đá Ông, nhưng vì sự phạm thượng: Ông là người mà cho mình là Thiên Chúa” (10,33), và họ tìm cách bắt Đức Giê-su (10,39). Không phải đợi đến ch. 10, mà ý định tìm giết Đức Giê-su đã khởi đầu từ 5,18. Sau khi Đức Giê-su chữa người bị bệnh đã 38 năm tại hồ Bết-da-tha gần cửa Chiên ở Giê-ru-sa-lem vào ngày Sa-bát (5,2-14), người thuật chuyện kể: “Bởi vì điều này, những người Do-thái lại càng tìm giết Người, vì Người không chỉ phá ngày sa-bát, nhưng còn nói Thiên Chúa là Cha của mình, Người tự cho mình ngang hàng với

Thiên Chúa” (5,18). Ý định tìm bắt và ném đá Đức Giê-su được nhắc đi nhắc lại trong các ch. 7, 8 và cuối ch. 10. Đoạn văn 11,1-54 ở vào cuối sứ vụ công khai của Đức Giê-su, lúc mà sự căng thẳng giữa những kẻ chống đối và Đức Giê-su ngày càng tăng cao. Bối cảnh ch. 11 là Đức Giê-su đang bị những kẻ chống đối tìm bắt và có ý định giết Người (11,8).

Liên hệ thứ hai của đoạn văn 11,1-54 với ch. 8 và ch. 9 là các đề tài “ánh sáng”, “ban ngày” và “ban đêm” (11,9-10). Ở 8,12 Đức Giê-su nói: “Chính Tôi là ánh sáng của thế gian. Người theo Tôi sẽ không đi trong bóng tối, nhưng sẽ có ánh sáng của sự sống.” Đến ch. 9, trước khi làm cho người mù từ thuở mới sinh được thấy, Đức Giê-su nói với các môn đệ: “Bao lâu Thầy còn ở thế gian, Thầy là ánh sáng của thế gian” (9,5). Những liên hệ này giúp người đọc hiểu lời Đức Giê-su nói ở 11,9-10: “Ban ngày chẳng có mùi hai giờ sao? Ai đi ban ngày thì không vấp ngã, vì thấy ánh sáng của thế gian này. Còn ai đi ban đêm, thì vấp ngã vì không có ánh sáng ở nơi mình.” Việc có ánh sáng hay không có ánh sáng, vấp ngã hay không vấp ngã là do đón nhận hay từ chối Đức Giê-su, vì chính Đức Giê-su là ánh sáng của thế gian.

Trong bối cảnh ch. 11, cặp từ “ban ngày”-“ban đêm” và đề tài “ánh sáng”-“bóng tối” có thể áp dụng vào chính cuộc đời Đức Giê-su. Bao lâu Đức Giê-su còn sống là còn ánh sáng, khi Người bước vào biển cố Thương khó là đến giờ của bóng tối. Người nói với đám

đồng những lời cuối cùng trong sứ vụ công khai ở 12,35-36: “Còn một ít thời gian nữa, ánh sáng ở giữa các ngươi. Hãy bước đi khi các ngươi còn có ánh sáng, để bóng tối không bắt chọt các ngươi. Ai đi trong bóng tối thì không biết mình đi đâu. Khi các ngươi có ánh sáng, hãy tin vào ánh sáng, để trở nên con cái ánh sáng.” Trong Tin Mừng thứ tư, sứ vụ của Đức Giê-su được trình bày như một ngày làm việc: Bình minh ở ch. 1, khi ánh sáng bắt đầu chiếu rọi vào thế gian, người thuật chuyện khẳng định: “Người là ánh sáng thật, chiếu soi mọi người, đến trong thế gian” (1,9). Giờ ngọ ở ch. 8 và ch. 9 khi Đức Giê-su nói: Người là ánh sáng của thế gian. Ngày làm việc của Đức Giê-su xé chiều với ch. 11, vì cái chết đã đến gần, Thượng Hội Đồng đã quyết định giết Người (11,53). Đức Giê-su kết thúc sứ vụ công khai của Người trong ch. 12 và Người mặc khải về ý nghĩa của sự chết của Người cho các môn đệ trong các ch. 13–17. Ch. 18–19 là đêm tối, người ta đến bắt Đức Giê-su vào ban đêm và Người hoàn tất sứ vụ trên thập giá ở 19,30. Đoạn văn 11,1-54 là một mắt xích trong “ngày” sứ vụ của Đức Giê-su, vị trí của đoạn văn ở vào cuối “ngày”, vì từ ch. 11, Người không còn tranh luận trực tiếp với những kẻ chống đối nữa (tranh luận đã kết thúc ở cuối ch. 10).⁷⁰

⁷⁰ Cf. GOURGUES, M., *En Esprit et en Vérité. Piste d'exploitation de l'évangile de Jean*, (Sciences Bibliques 11), Montréal, Médiaspaul, 2002, p. 31-44.

Đoạn văn 11,1-54 có liên hệ minh nhiên với ch. 9 khi vài người trong những người Do-thái nhắc lại dấu lạ chữa người mù, họ nói: “Ông ấy đã mở mắt cho người mù lại không thể làm cho anh ấy khỏi chết sao?” (11,37) Sự nối kết giữa dấu lạ người mù từ thuở mới sinh và dấu lạ Đức Giê-su gọi La-da-rô ra khỏi mồ vừa cho thấy ch. 9 và ch. 11 liên kết với nhau, vừa cho biết các nhân vật trong ch. 11 biết chuyện Đức Giê-su chữa người mù, đồng thời chuẩn bị cho dấu lạ lớn lao hơn: Gọi La-da-rô ra khỏi mồ.

Về những liên hệ sau của đoạn văn 11,1-54, đoạn văn này có tương quan chặt chẽ với ch. 12. Trước hết, 11,2 nhắc đến việc Ma-ri-a làm ở 12,3. Ngay đầu ch. 11 người thuật chuyện đã nối kết ch. 11 với ch. 12 qua nhân vật Ma-ri-a: “Ma-ri-a là người đã xức dầu thơm cho Chúa, và lau chân Người bằng tóc của mình” (11,2). Người đọc có thể ngạc nhiên khi câu chuyện sẽ kể trong ch. 12 mà lại nói là “đã xức” ở ch. 11. Dựa vào ba điểm quy chiếu khi đọc bản văn Tin Mừng trình bày trong phần lý thuyết ở trên (thời Đức Giê-su, lúc viết Tin Mừng, thời đại của người đọc), điều bất hợp lý trên có thể hiểu như sau: Ở 11,2 người thuật chuyện tạm ngừng câu chuyện đang kể để giải thích cho độc giả vào cuối thế kỷ I (người đọc bản văn) biết Ma-ri-a là ai. Lúc đó việc Ma-ri-a xức dầu đã thuộc về quá khứ.

Đoạn văn 11,1-54 còn có liên hệ với ch. 12 qua sự xuất hiện trở lại các nhân vật Mác-ta, Ma-ri-a và La-da-rô. Người thuật chuyện kể đầu ch. 12: “Sáu ngày

trước lễ Vuốt Qua, Đức Giê-su đến Bê-ta-ni-a, nơi La-da-rô ở, anh ấy là người đã được Đức Giê-su cho trỗi dậy giữa những kẻ chết” (12,1). Đoạn văn 12,1-11 nhắc lại ba lần biến cố Đức Giê-su gọi La-da-rô ra khỏi mồ (12,1.9.17). Trong Tin Mừng thứ tư, nhân vật La-da-rô chỉ xuất hiện ở hai ch. 11 và 12. Vì thế, câu chuyện La-da-rô trong ch. 11 chỉ kết thúc với cái chết thứ hai của anh ở 12,10: “Các thượng tế mới quyết định giết cả La-da-rô.” Vậy La-da-rô sống lại để rồi lại chết. Lần này anh không chết vì bệnh mà chết vì chính sự sống lại của anh, cái chết thứ hai này liên hệ với sự chết của Đức Giê-su. Sự nối kết giữa ch. 11 và ch. 12 giúp người đọc hiểu rõ hơn vị trí và vai trò của nhân vật La-da-rô trong đoạn văn 11,1-54.

Liên hệ thứ ba sau đoạn 11,1-54 là quyết định giết Đức Giê-su ở 11,47-53 được đem ra thi hành vào dịp lễ Vuốt qua. Người thuật chuyện cho biết ở 11,57: “Các thượng tế và những người Pha-ri-sêu ra lệnh: Nếu ai biết Ông ấy ở đâu thì báo để họ bắt Người.” Sang ch. 12, khi những người Pha-ri-sêu thấy đông đảo dân chúng đón rước Đức Giê-su (12,19), họ hoảng hốt bảo nhau: “Các ông thấy đấy, các ông chẳng được việc gì. Kìa xem, thế gian đã đi theo Ông ấy” (12,19). Như thế quyết định giết Đức Giê-su ở 11,47-53 được thực hiện qua lệnh bắt ở 11,57, nhưng xem ra họ bất lực (12,19). Bản văn cho thấy “ánh sáng” vẫn chiến thắng “bóng tối” qua hình ảnh “cả thế gian đi theo Đức Giê-su”.

Tóm lại, 11,1-54 làm thành một đoạn văn phân biệt với các đoạn văn khác, đồng thời là một phần của toàn bộ Tin Mừng thứ tư, nên đoạn văn 11,1-54 có liên hệ chặt chẽ với những đoạn văn trước và sau nó. Bối cảnh văn chương của 11,1-54 đánh dấu hai bước ngoặt quan trọng trong toàn bộ Tin Mừng: (1) Sứ vụ của Đức Giê-su đang ở hồi kết thúc, Người không còn tranh luận trực tiếp với những kẻ chống đối nữa. (2) Thượng Hội Đồng đã quyết định giết Đức Giê-su, nên Người không thể tránh khỏi cái chết, vấn đề chỉ là thời gian. Phân tích bối cảnh đoạn văn như trên giúp định hướng việc tìm hiểu bản văn. Hai ch. 11 và 12 ở vào cuối sứ vụ công khai và có thể là những mặc khải quan trọng về “sự chết” và “sự sống” của chính Đức Giê-su.

4. Nhân vật

Để hiểu rõ hơn nội dung câu chuyện, phần này sẽ tìm hiểu các nhân vật trong đoạn văn 11,1-54. Các nhân vật trong đoạn văn này có thể chia làm ba nhóm.

Nhóm thứ nhất gồm có: Đức Giê-su, Chúa Cha và các môn đệ. Tên Đức Giê-su xuất hiện 21 lần (xem bảng dưới đây), cùng với những tước hiệu của Người: “Con Thiên Chúa”, “Đấng Ki-tô”, “Đấng phải đến thế gian” (11,27). Đức Giê-su được gọi là “Thầy” (κύριος) theo nghĩa “chủ” và được gọi là “Thầy” theo nghĩa “Thầy dạy” (διδάσκαλος). Khi gọi Thiên Chúa là “Cha”, Đức Giê-su đặt mình trong tư cách là “Con”. Nhân vật “các môn đệ” được nói đến đầu và cuối đoạn văn 11,1-54,

nhân vật “Tô-ma” và “các đồng môn” thuộc nhóm các môn đệ.

Số lần các nhân vật này xuất hiện ở 11,1-54:

ὁ Ἰησοῦς	Đức Giê-su	21 lần	11,4.5.9.13.14.17. 20.23.25.30.32. 33.35.38.39.40. 41.44.46.51.54
χριστὸς	Đấng Ki-tô	1	11,27
υἱὸς τοῦ θεοῦ	Con Thiên Chúa	2	11,4.27
κύριος	Thầy (chủ)	7	11,3.12.21.27. 32.34.39
διδάσκαλος	Thầy (dạy)	1	11,28
θεός	Thiên Chúa	5	11,4a.4b.27.40.52
πατήρ	Cha	2	11,41.42
μαθητής	môn đệ	4	11,7.8.12.54
συμμαθητής	đồng môn	1	11,16
Θωμᾶς	Tô-ma	1	11,16

Nhóm nhân vật thứ hai gồm có: Ba chị em (Mác-ta, Ma-ri-a, La-da-rô), những người Do-thái và đám đông. Các nhân vật này xuất hiện trong ch. 11 và ch. 12 nối kết hai chương này với nhau. Câu chuyện về nhân vật La-da-rô được trình bày như sau: Anh ấy bệnh rồi chết, nhưng Đức Giê-su làm cho anh ấy sống lại. sự kiện La-da-rô ra khỏi mồ làm cho nhiều người Do-thái tin vào

Đức Giê-su, nhưng vì điều này, các Thượng tế đã quyết định giết Đức Giê-su (11,53), sau đó lại quyết định giết cả La-da-rô nữa (12,10-11). Tên của nhân vật Mác-ta và Ma-ri-a xuất hiện 8 lần trong đoạn văn 11,1-54 (xem bảng dưới đây). Hai nhân vật này có vai trò đáng kể trong đoạn văn này, cho dù Ma-ri-a không nói nhiều như Mác-ta.

Cần phân biệt hai nhóm nhân vật được gọi là “những người Do-thái” (Ἰουδαῖοι). Trong Tin Mừng thứ tư, nhóm nhân vật “những người Do-thái” thường chỉ những người có quyền thế trong dân. Họ tranh luận và tỏ thái độ chống đối Đức Giê-su (đặc biệt trong các ch. 7–10). Đặc điểm của nhóm này là “không biết” (8,19) và “không tin” (8,45-46) vào Đức Giê-su. Họ kết tội Đức Giê-su phạm thượng (10,33), tìm cách ném đá (10,31) và bắt Người (10,39). Trong đoạn văn 11,1-54, nhóm này được nói đến một lần ở 11,8: “Những người Do-thái” tìm ném đá Đức Giê-su. Nhóm thứ hai là “những người Do-thái” quen biết Ma-ri-a, Mác-ta và La-da-rô, họ đến để an ủi (11,19), chia buồn (11,31) với hai chị em và khóc thương La-da-rô (11,33). Nhiều người trong nhóm này đã tin vào Đức Giê-su (11,45) sau khi chứng kiến dấu lạ La-da-rô ra khỏi mồ (11,43-44).

Nhóm nhân vật “đám đông” (ὄχλος) đã chứng kiến La-da-rô ra khỏi mồ. Nhóm nhân vật này xuất hiện một lần (11,42) trong lời Đức Giê-su nói với Cha: “Lạy Cha, Con cảm tạ Cha, vì Cha đã lắng nghe Con. Phần Con, Con biết rằng: Cha hằng lắng nghe Con, nhưng vì

đám đông (τὸν ὄχλον) đứng quanh đây nên Con đã nói để họ tin rằng Cha đã sai Con” (11,41-42). Đám đông này đã đón tiếp Đức Giê-su vào thành Giê-ru-sa-lem và làm chứng về việc La-da-rô sống lại: “Vậy đám đông làm chứng, họ là những người đã có mặt với Người, khi Người gọi La-da-rô ra khỏi mồ và làm cho anh ấy trở dậy giữa những kẻ chết. Vì lẽ đó, đám đông đến đón Người, bởi họ nghe biết Người đã làm dấu lạ đó” (12,17-18).

Nhóm nhân vật thứ hai xuất hiện trong ch. 11 và ch. 12 ở các nơi sau:

Λάζαρος	La-da-rô	6 5 ⁷¹	11,1.2.6.11.14.43 12,1.2.9.10.17
Μαρία	Ma-ri-a	8 1	11,1.2.19.20.28.31.32.45 12,3
Μάρθα	Mác-ta	8 1	11,1.5.19.20.21.24.30.39 12,2
Ἰουδαῖοι	những người Do-thái	7 2	11,19.31.33.36.45.54.55 12,9.11
ὄχλος	đám đông	1 6	11,42 12,9.12.17.18.29.34

Trong nhóm nhân vật thứ hai này, Đức Giê-su thương mến ba chị em Mác-ta, Ma-ri-a và La-da-rô. “Những người Do-thái” và “đám đông” thì có thiện cảm

⁷¹ Số thứ hai trong khung là số lần xuất hiện trong ch. 12.

với ba chị em và với Đức Giê-su. Nhiều người trong số họ đã tin (11,45; 12,11), họ đón rước Đức Giê-su vào thành Giê-ru-sa-lem và làm chứng về biến cố La-da-rô sống lại.

Nhóm nhân vật thứ ba gồm những kẻ đối lập với Đức Giê-su: “Những người Do-thái”, “những người người Pha-ri-sêu”, “các thượng tế”, “Cai-pha”, “Thượng Hội Đồng”. Nhóm này là những thành phần đã quyết định giết Đức Giê-su và tìm cách bắt Người.

Nhóm nhân vật thứ ba này xuất hiện trong ch. 11 và ch. 12 ở các nơi:

Ἰουδαῖοι	những người Do-thái	1	11,8
Φαρισαῖοι	những người Pha-ri-sêu	3 2	11,46.47.57 12,19.42
ἀρχιερεῖς	Các thượng tế	2 1	11,47.57 12,10
Καϊάφας	Cai-pha	1	11,49
συνέδριον	Thượng Hội Đồng	1	11,47

Nhóm nhân vật “những người Do-thái” tìm giết Đức Giê-su đã xuất hiện trong các chương trước của Tin Mừng. Cặp nhân vật “các thượng tế” và “những người Pha-ri-sêu” là những người triệu tập Thượng Hội Đồng (11,47), xuất hiện trở lại vào cuối ch. 11 (11,57). Trong ch. 12, nhân vật “các thượng tế” (không đi kèm với nhân vật những người Pha-ri-sêu) xuất hiện 1 lần

ở 12,10. Trong Tin Mừng thứ tư, nhân vật “các thượng tế” không đối thoại trực tiếp với Đức Giê-su nhưng họ tìm bắt Đức Giê-su (7,32.45; 11,57), quyết định giết Người (11,53) và đòi Phi-la-tô đóng đinh Người (19,6). Nhân vật “những người Pha-ri-sêu” xuất hiện hai lần trong ch. 12 (12,19.42). Trong các ch. 11–12, họ không còn tranh luận trực tiếp với Đức Giê-su như trong các chương trước nữa. Nhân vật “Cai-pha” đã đưa ra giải pháp một người chết để tất cả không bị huỷ diệt (11,50; 18,14). Cai-pha xuất hiện trở lại trong ch. 18.⁷² Trong Tin Mừng thứ tư, các Thượng tế và những người Pha-ri-sêu triệu tập Thượng Hội Đồng (11,47) và đưa ra quyết định giết Đức Giê-su, còn các ch. 18–19 là kể lại việc thực hiện quyết định này.

Việc quan sát các nhân vật trong đoạn văn 11,1-54 cho thấy Đức Giê-su là nhân vật chính của câu chuyện. Tất cả các nhân vật khác đều xoay quanh nhân vật trọng tâm này. Các nhân vật đối thoại trực tiếp với Đức Giê-su hoặc không đối thoại trực tiếp nhưng lại nói về Người. Riêng nhân vật La-da-rô, anh ta hoàn toàn im lặng trong trình thuật. Sự hiện diện, sự sống và sự chết của anh ấy trở thành dấu chỉ cho các nhân vật khác trong câu chuyện và là dấu chỉ cho chính người đọc.

⁷² Tên nhân vật “Cai-pha” xuất hiện 4 lần trong ch. 18: 18,13.14.24.28

Ba nhóm nhân vật trên được xếp thành ba loại:

- (1) Những nhân vật có trao đổi trực tiếp với Đức Giê-su
- (2) Những nhân vật không trao đổi trực tiếp với Người
- (3) Nhân vật không lên tiếng trong câu chuyện

1. Nhân vật đối thoại trực tiếp với Đức Giê-su	các môn đệ (11,8.12), Tô-ma (11,16) Mác-ta (11,21-22.24.27.39) Ma-ri-a (11,32) Đức Giê-su nói với Cha (11,41-42)
2. Nhân vật không đối thoại trực tiếp với Đức Giê-su	những người Do-thái đám đông các Thượng tế, Cai-pha những người Pha-ri-sêu,
3. Nhân vật không lên tiếng	La-da-rô

5. Cấu trúc 11,1-54

Cấu trúc đoạn văn được trình bày tổng quát và chi tiết, nhằm giúp khảo sát bản văn trước khi phân tích đề tài “chết” và “sống”. Dựa vào yếu tố nhân vật và nơi chốn, đoạn văn 11,1-54 có thể được cấu trúc đồng tâm A, B, C, B', A':

Cấu trúc tổng quát 11,1-54

- A. 11,1-6: *Dẫn nhập*. Hoàn cảnh và giải pháp
ĐGS ở ngoài Giu-đê
- B. 11,7-16: ĐGS và các môn đệ trở lại Giu-đê
ĐGS bị đe dọa ném đá
- C. 11,17-46: ĐGS ở Bê-ta-ni-a, La-da-rô sống
ĐGS là sự sống lại và là sự sống
- B'. 11,47-53: Thượng Hội Đồng họp và
quyết định giết ĐGS
- A'. 11,54: *Kết thúc*.
ĐGS vào hoang địa

Phần A trình bày hoàn cảnh của ba chị em Mác-ta, Ma-ri-a và La-da-rô. Giải pháp của hai chị em là sai người đi báo cho Đức Giê-su biết. Giải pháp của Đức Giê-su là ở lại thêm hai ngày sau khi nghe tin La-da-rô bị bệnh. Lúc này Đức Giê-su đang ở ngoài Giu-đê. Phần mở đầu câu chuyện (A) song song với phần kết A' (11,54): Đức Giê-su rời khỏi đó đi vào vùng gần hoang địa. Phần B (11,7-16) là đối thoại giữa Đức Giê-su và các môn đệ về việc La-da-rô chết. Đức Giê-su quyết định trở lại Bê-ta-ni-a trong bối cảnh Người đang bị những người Do-thái tìm ném đá (11,8). Tô-ma động viên các đồng môn cùng đi để chết với Thầy (11,16). Trong phần B, sự kiện La-da-rô đã chết và Đức Giê-su sẽ chết, được trình bày song song: Phần B (11,7-16) cho biết những người Do-thái đang tìm ném đá Đức Giê-su (11,8), phần B' (11,47-54) trình bày phản ứng của

Thượng Hội Đồng: họ quyết định giết Đức Giê-su. Phần C (11,17-46) là trọng tâm của cấu trúc. Chi tiết của cấu trúc A, B, C, B', A' được trình bày như sau:

- A. 11,1-6: Hoàn cảnh, tương quan và giải pháp
 11,1-3: Hoàn cảnh và giải pháp của hai chị em
 11,4-6: Giải pháp của ĐGS: Ở lại thêm 2 ngày
- B. 11,7-16: ĐGS và các môn đệ
 11,7-10: Trở lại Giu-đê, ĐGS bị đe dọa ném đá
 11,11-15: La-da-rô “chết”-“ngủ”. “Để anh em TIN”
 11,16: Cùng đi để chết với Thầy
- C. 11,17-46: ĐGS ở Bê-ta-ni-a
 (1) 11,17-38a: ĐGS ở ngoài làng (11,30)
 a) 11,17-19: La-da-rô ở trong mồ đã 4 ngày
 11,20-28: Mác-ta tiếp đón ĐGS
 “Nếu có Thầy, em con đã không chết” (11,21)
 Trao đổi về đề tài TIN
 b) 11,29-38a: Ma-ri-a, những người Do-thái, ĐGS
 “Nếu có Thầy, em con đã không chết” (11,32)
 Ma-ri-a, những người Do-thái và ĐGS khóc
- (2) 11,38b-46: ĐGS ở mộ
 a) 11,38b-42: Điều kiện và mục đích: TIN
 b) 11,43-44: Dầu lạ. La-da-rô ra khỏi mồ
 c) 11,45-46: Phản ứng: “Tin”, “đi báo”
- B'. 11,47-53: Họp Thượng Hội Đồng và quyết định
 a) 11,47-48: *Vấn đề* cần giải quyết
 b) 11,49-52: *Giải pháp*: Một người chết cho tất cả
 c) 11,53: *Quyết định*: Giết ĐGS
- A'. 11,54: ĐGS vào hoang địa ở Ép-ra-im

Cấu trúc chi tiết cho thấy, trong đoạn văn 11,1-54, trình thuật Đức Giê-su ở Bê-ta-ni-a (C) là dài nhất, gồm hai phần: (1) Đức Giê-su ở ngoài làng (11,17-38a) và (2) Đức Giê-su ở mộ (11,38b-46). Phần ở ngoài làng Bê-ta-ni-a gồm hai cuộc gặp gỡ: a) Trao đổi về niềm tin giữa Đức Giê-su và Mác-ta (11,20-28); b) Đức Giê-su gặp Ma-ri-a và những người Do-thái (11,26-38a). Phần Đức Giê-su ở mộ (11,38b-46) được trình bày ba bước: a) Điều kiện và mục đích “TIN” (11,39-42); b) Dấu lạ (11,43-44), sự kiện La-da-rô ra khỏi mồ chỉ được trình bày trong một câu ngắn 11,43; c) Phản ứng (11,45-46) của những người hiện diện, kể thì tin vào Đức Giê-su (11,45) người thì đi báo cho những người Pha-ri-sêu (11,46). Trong phần B’, cuộc họp của Thượng Hội Đồng được kể theo trình tự: a) “Vấn đề”; b) “Giải pháp”; c) “Quyết định”. Ở 11,47, từ “dấu lạ” (σημείον) ở số nhiều: “Người này làm nhiều dấu lạ (πολλά ποιεί σημεῖα)?” Họ ám chỉ đến tất cả các dấu lạ Đức Giê-su đã làm trước đó, chứ không chỉ là dấu lạ La-da-rô sống lại.

Những quan sát về phân đoạn, bối cảnh, nhân vật và cấu trúc của đoạn văn 11,1-54 ở trên, làm nổi lên hai đề tài “chết” và “sống”. Vậy ý nghĩa của hai từ “chết” và “sống” là gì?

6. Phân tích ý nghĩa của “chết” và “sống”

Đề tài “chết” và “sống” trong đoạn văn 11,1-54 sẽ được trình bày qua (a) quan sát từ ngữ liên quan đến “chết” và “sống” trong đoạn văn. Tiếp theo là phần

phân tích đề tài liên quan đến các nhân vật: (b) “chết” và “sống” của La-da-rô; (c) “chết” và “sống” của Đức Giê-su; (d) “chết” và “sống” của người tin.

a. Từ ngữ liên quan đến “chết” và “sống”

Trong đoạn văn 11,1-54 đề tài “chết” và “sống” được diễn tả bằng nhiều từ ngữ. Các từ liên hệ tới sự chết có thể xếp thành ba giai đoạn: (1) gợi ý đến sự chết, (2) sự chết và (3) sau khi chết. Đề tài sống được Đức Giê-su khẳng định cách mạnh mẽ ở 11,23-26, cùng với các từ liên quan đến sự sống như: “Vinh quang”, “tình yêu”...

Những từ gợi ý đến sự chết trong 11,1-54:

ἀσθενέω	bệnh	4 lần	11,1.2.3.6
κοιμάομαι	ngủ, chết	2	11,11.12
κοίμησις	giấc ngủ	1	11,13
λιθάζω	ném đá	1	11,8
αἴρω	phá hủy	1	11.48
ἀπόλλυμι	hủy diệt	1	11,50

Các từ “bệnh”, “ngủ”, “giấc ngủ” nói về cái chết của La-da-rô. Việc “ném đá” gợi đến sự chết của Đức Giê-su, sự “phá hủy” và “tiêu diệt” nói tới sự chết của dân tộc. Những từ trên gợi ý đến sự chết nhưng chưa phải là chính sự chết. Sự chết được đề cập trong đoạn văn với nhiều từ khác nhau:

θάνατος	sự chết	2 lần	11,4.13
ἀποθνήσκω	chết	9	11,14.16.21.25. 26.32.37.50.51
ἀποκτείνω	giết chết	1	11,53
τελευτων	xác chết	1	11,39
τεθνηκων	người chết	1	11,44

Danh từ θάνατος (sự chết) nói về cái chết của La-da-rô. Động từ ἀποθνήσκω (chết) nói về sự chết của các nhân vật: Sự chết của La-da-rô (11,14.16.21.32), của Đức Giê-su (11,50-51) và của người tin (11,25.26). Các động tính từ τελευτων chỉ “người chết” và θνησκων chỉ “xác chết”.

Những gì xảy ra sau khi chết được diễn tả bằng các từ sau:

μνημειον	mồ	3 lần	11,17.31.38
λίθος	phiến đá	3	11,38.39.41
κειρία	băng vải	1	11,44
σουδάριον	vải che mặt	1	11,44
παραμυθέομαι	an ủi	2	11,19.31
κλαίω	khóc	3	11,31.33a.33b
δακρύω	khóc (ĐGS)	1	11,37

Mồ chôn La-da-rô là một cái hang đục trong đá, có phiến đá đẩy lại (11,38). Thời gian chôn là đã 4 ngày (11,17.39) và đã bốc mùi (11,39). Người chết được mô tả là chân tay quấn vải, mặt phủ khăn (11,44). Về phía tang gia, nhiều người tới an ủi (11,19.31). Trước cái chết của La-da-rô, Ma-ri-a khóc (11,31.33), những người Do-thái khóc (11,33) và Đức Giê-su khóc (11,37).

Đề tài “chết” được nhấn mạnh ở đoạn văn 11,1-54 qua ba bước: (a) Gợi ý đến sự chết, (b) chính sự chết và (c) sau khi chết. Sự phong phú và đa dạng các từ ngữ liên quan đến sự chết cho thấy tầm quan trọng của đề tài “chết” trong đoạn văn, đồng thời diễn tả sự bế tắc của con người khi đứng trước cái chết. Đối diện với người chết, người sống chỉ còn biết lo chôn cất, khóc thương và an ủi nhau. Nhưng bản văn không dừng lại ở sự chết mà còn nói đến sự sống.

Đức Giê-su mặc khải về sự sống, sự sống lại, và Người làm cho La-da-rô sống lại ra khỏi mồ. Bản văn dùng bốn từ khác nhau để nói về sự sống:

ἀνίστημι	sống lại	2 lần	11,23.24
ἀνάστασις	sự sống lại	1	11,25
ζάω	sống	2	11,25.26
ζωή	sự sống	1	11,25

Hai cặp động từ - danh từ: “sống” - “sự sống” (ζάω - ζωή) và “sống lại” - “sự sống lại” (ἀνίστημι - ἀνάστασις) chỉ được dùng trong bốn câu (11,23-26) nhưng lại là

chìa khoá để hiểu toàn bộ đoạn văn. Đề tài “sống” có thể là câu trả lời cho các nhân vật trong câu chuyện và cho người đọc, trước bề tặc của sự chết thể lý. Một số từ khác liên quan đến sự sống cần chú ý:

δόξα	vinh quang	2	11,4.40
δοξάζω	tôn vinh	1	11,5
ἀγαπάω	yêu mến	1	11,5
φιλέω	thương mến	2	11,3.36
φίλος	bạn hữu	1	11,11

Tóm lại, trong khi sự chết bao trùm lên các nhân vật trong bản văn, Đức Giê-su nói về sự sống, sự vinh quang, tôn vinh, lòng yêu thương, tình yêu và tình bạn, Người gọi La-da-rô ra khỏi sự chết. Nhưng làm thế nào để chuyển từ “sự chết” thành “sự sống”? Hai động từ được dùng nhiều nhất trong đoạn văn 11,1-54 là ἀποθνήσκω (chết), 9 lần và πιστεύω (tin), cũng 9 lần:

ἀποθνήσκω	chết	9	11,14.16.21.25.26.32.37.50.51
πιστεύω	tin	9	11,15.25.26a.26b.27.40.42.45.48

“Tin” là đề tài trọng tâm của đoạn văn 11,1-54, “tin” cho phép đi từ “chết” đến “sống” và trở thành “không bao giờ phải chết” hay “không phải chết đời đời” (11,26). Quả thế, tất cả những gì Đức Giê-su nói và làm trong đoạn văn 11,1-54 đều nhắm đến việc

“tin”. Người nói trước với các môn đệ mục đích điều Người sắp làm: “Để anh em tin” (11,15). Người hỏi Mác-ta về niềm tin của chị ấy: “Chị có tin điều đó không?” (11,26) Người nói với Mác-ta: “Nếu chị tin...” (11,40). Ngay trước khi gọi La-da-rô ra khỏi mồ Đức Giê-su nói với Chúa Cha: “Vì đám đông đứng quanh đây nên Con đã nói để họ tin rằng Cha đã sai Con” (11,42).

Đề tài “tin” xuyên suốt đoạn văn, và là mục đích của dấu lạ. Kết quả của dấu lạ chính là những người chứng kiến đã tin vào Đức Giê-su. Người thuật chuyện cho biết: “Nhiều người trong những người Do-thái, - những người đến với Ma-ri-a-, thấy những gì Người đã làm, đã tin vào Người” (11,45). Như thế, “tin” là chìa khoá để hiểu đoạn văn 11,1-54, “tin” cho phép nối kết hai đề tài “chết” và “sống” và chuyển từ “sự chết” sang “sự sống”. Cả ba đề tài chính của đoạn văn 11,1-54: “chết”, “sống” và “tin” xuất hiện trong lời Đức Giê-su khẳng định với Mác-ta: “Chính Thầy là sự sống lại và là sự sống. Ai tin vào Thầy, thì dù đã chết cũng sẽ được sống. Và tất cả những ai sống và tin vào Thầy, sẽ không bao giờ phải chết” (11,25-26).

Qua lời này, các từ “chết” và “sống” trong đoạn văn 11,1-54 có hai nghĩa: “chết” và “sống” thể lý và “chết” và “sống” liên quan đến việc tin hay không tin vào Đức Giê-su. Sự kiện La-da-rô chết và sống lại, là chết và sống lại thể xác. Việc Đức Giê-su bị những kẻ chống đối đe dọa giết chết và Thượng Hội Đồng quyết định

giết Người, là chết thể lý. Khi Đức Giê-su nói: “Chính Thầy là sự sống lại và là sự sống” (11,25) thì sự sống ở đây không còn là sự sống thể lý nữa mà là sự sống đời đời. Đối với người tin vào Đức Giê-su cũng vậy, họ “sẽ không bao giờ chết nữa” (11,26) vì người tin đã có sự sống đời đời nơi mình. Câu trên cũng có thể hiểu: “Không chết đời đời” nghĩa là người tin, tuy chết về mặt thể lý, vẫn được sống sự sống của Thiên Chúa.

Đề tài “sống” và “chết” trong đoạn văn 11,1-54 liên quan đến nhiều nhân vật. La-da-rô đã chết, rồi được sống lại ra khỏi mồ (11,43), nhưng lại bị đe dọa giết chết (12,10). Đức Giê-su đang sống, nhưng những kẻ chống đối đã quyết định giết Người và Người sẽ chết (11,8.53), nhưng Người khẳng định, chính Người là sự sống lại và là sự sống. Đang khi các môn đệ cùng đi để chết với Đức Giê-su (11,16), Mác-ta và Ma-ri-a cũng “chết” trong lòng vì mất em và bất lực trước sự chết, thì Đức Giê-su lại nói: “Ai tin vào Người dù chết cũng sẽ được sống” (11,25). Đề tài “chết” và “sống” trong đoạn văn liên quan đến La-da-rô, Đức Giê-su và người tin sẽ được phân tích sau đây.

b. “Chết” và “sống” của La-da-rô

Trong đoạn văn 11,1-54 và phần đầu ch. 12, người thuật chuyện kể về La-da-rô, nhưng chính La-da-rô lại không hề lên tiếng trong câu chuyện. La-da-rô không đối thoại trực tiếp hay gián tiếp với bất kỳ ai. Anh hiện diện trong bản văn như là lời chất vấn cho các nhân vật khác về “sự chết” và “sự sống”. Có thể tóm kết

những gì La-da-rô làm trong Ga 11–12: “Bị bệnh” (11,1), “chết” (11,14), “sống lại” (11,43), “ăn” (12,2), rồi lại “chết” (12,10).⁷³ Như thế việc “chết” và “sống” của anh ấy có ý nghĩa gì?

La-da-rô không lên tiếng nhưng lại hiện hiện trong suốt đoạn văn 11,1-54. Sự kiện La-da-rô chết được nhắc tới ngay từ phần dẫn nhập câu chuyện. Đức Giê-su nói: “Bệnh này không đến nỗi chết, nhưng...” (11,4). Từ “nhưng” báo trước cái chết của La-da-rô. Trong phần tiếp theo của câu chuyện, sự chết của La-da-rô trở thành đề tài để các nhân vật *nói về* anh hay *nói với nhau* về sự chết. Bản văn dành một phần quan trọng để đề cập đến những người sống (Đức Giê-su, Mác-ta, Ma-ri-a, những người Do-thái, đám đông) trước cái chết của La-da-rô.

Đức Giê-su đã gọi La-da-rô ra khỏi mồ (11,43), nhưng sự sống lại của anh ta chỉ là ánh sáng loé lên trong đêm tối. Quả thế, biến cố La-da-rô chết được bàn đến trong 42 câu (11,1-42), trong khi dấu lạ La-da-rô ra khỏi mồ chỉ được trình bày trong 2 câu (11,43-44). Hơn nữa, La-da-rô sống lại kéo theo hai cái chết khác. Thượng Hội Đồng quyết định giết Đức Giê-su (11,53) và các thượng tế quyết định giết cả La-da-rô, vì tại anh mà nhiều người Do-thái đã bỏ họ và tin vào Đức Giê-su (12,10-11). Vậy Đức Giê-su làm cho La-da-rô sống lại để rồi chính Người và La-da-rô lại phải đối diện với sự

⁷³ Xem phân tích nhân vật La-da-rô ở trên.

chết. La-da-rô chết, sống lại, để rồi lại chết vì sự sống lại của anh. Nhân vật La-da-rô xuất hiện với cái chết thứ nhất vì bệnh, và kết thúc bằng cái chết thứ hai vì quyết định của các thượng tế.

Theo mạch văn, ch. 11 nhấn mạnh đến cái chết thứ nhất (chết vì bệnh) của La-da-rô (11,1-42). Ch. 12 nói đến cái chết thứ hai. Đề tài chết được nhấn mạnh vì nó phù hợp với nguyên lý sự sống mà Đức Giê-su đề ra ở 12,24-25: “A-men, a-men, Thầy bảo anh em: Nếu hạt lúa gieo vào lòng đất không chết đi, nó vẫn trơ trọi một mình; nhưng nếu chết đi, nó sinh nhiều hạt. Ai yêu mạng sống mình sẽ mất nó; ai ghét mạng sống mình trong thế gian này, sẽ giữ được nó cho sự sống đời đời.” Nguyên lý “chết” để “sống” này được áp dụng trước tiên cho Đức Giê-su, Người sẽ chết vì sự thù ghét của thế gian. Nhưng Thiên Chúa sẽ chiến thắng thế gian bằng cách, qua sự chết, Đức Giê-su về với Cha, Người được tôn vinh và Người ban sự sống đời đời cho người tin.

Câu chuyện về La-da-rô để lại nhiều câu hỏi cho người đọc: Tại sao Đức Giê-su làm cho La-da-rô sống lại để rồi chính vì sự sống lại đó, anh ấy lại phải chết? La-da-rô ra khỏi mồ là dấu lạ lớn lao nhưng để làm gì? Dấu lạ này chỉ tay về điều gì và cho ai? Phần phân tích về “chết” và “sống” của Đức Giê-su sẽ trả lời những câu hỏi này.

c. “Chết” và “sống” của Đức Giê-su

Từ ch. 11, Đức Giê-su không còn tranh luận trực tiếp với những kẻ chống đối Người nữa. Trong các ch. 11–12, Đức Giê-su bắt đầu tỏ lộ ý nghĩa sự chết và sự sống lại của Người. Đầu ch. 11, La-da-rô đã chết (11,14), còn Đức Giê-su đang bị đe dọa giết chết. Các môn đệ nói với Người: “Thưa Ráp-bi, mới đây những người Do-thái tìm ném đá Thầy, mà Thầy lại đi đến đó sao?” (11,8) Như đã trình bày trong phần bối cảnh văn chương, Đức Giê-su đã bị bách hại từ ch. 5 (5,18) và việc tìm bắt Đức Giê-su được lặp đi lặp lại nhiều lần trong các ch. 7; 8; 10. Đối với các môn đệ, trở lại Bê-ta-ni-a đồng nghĩa với “đi để chịu chết”, như Tô-ma đã nói với các bạn đồng môn: “Cả chúng ta nữa, chúng ta cùng đi để chết với Thầy” (11,16).

Sau khi Đức Giê-su gọi La-da-rô ra khỏi mộ, Thượng Hội Đồng quyết định giết Đức Giê-su (11,57-53). Điều trớ trêu là người làm cho kẻ chết sống lại thì sắp phải chết. Đức Giê-su có quyền hành trên sự chết nhưng chính Người không tránh khỏi sự chết. Quyết định của Thượng Hội Đồng (11,53) là một bước ngoặt trong Tin Mừng thứ tư. Trước đây những người Do-thái và Pha-ri-sêu tìm cách ném đá và bắt Đức Giê-su nhưng chưa phải là quyết định chính thức của giới lãnh đạo Do-thái. Với quyết định này, Đức Giê-su không tránh khỏi sự chết. Đề tài “ánh sáng” với những hình ảnh “ngày”, “đêm”, “có ánh sáng” và “không có ánh sáng” (11,9-10) ám chỉ đến sự sống và sự chết của

Đức Giê-su.⁷⁴ Cuộc đời công khai của Người là ban ngày. Đêm tối gọi về quyền lực của tối tăm, chỉ về cuộc Thương khó của Người. Đoạn văn 11,1-54 ở vào cuối cuộc đời công khai, và trong đoạn văn này, Đức Giê-su mặc khái ý nghĩa sự chết của chính Người. Vì thế sự chết của La-da-rô chỉ tay về sự chết sắp đến của Đức Giê-su.

Đoạn văn 11,1-54 không chỉ nói về sự chết của Đức Giê-su mà còn mặc khái về sự sống lại của Người, Người nói với Mác-ta: “Chính Thầy là sự sống lại và là sự sống” (11,25). Nói đến “sống lại” đã hàm ẩn sự chết, phải chết trước mới có thể sống lại. Khi Đức Giê-su nói Người là sự sống lại, Người đã ám chỉ đến cái chết sắp đến, nhưng sự chết không nắm giữ được Người, Người sẽ sống lại vì chính Người là sự sống lại, như Người đã nói với những người Do-thái ở 10,18: “Không ai lấy mạng sống Tôi khỏi Tôi, nhưng chính Tôi tự ý hy sinh nó. Tôi có quyền hy sinh nó và Tôi có quyền lấy lại nó. Tôi đã nhận mệnh lệnh này từ nơi Cha của Tôi.” Để minh chứng cho điều này, Đức Giê-su đã gọi La-da-rô ra khỏi mồ.

Trong Tin Mừng thứ tư, đề tài “tôn vinh” không thể tách rời khỏi giờ chết của Đức Giê-su, Người nói: “Giờ đã đến để Con Người được tôn vinh” (12,23). Người được tôn vinh không phải trong sự chết (vì những kẻ chống đối đã giết Người), nhưng qua sự chết, Người trở

⁷⁴ Xem hình ảnh “một ngày sứ vụ” của Đức Giê-su ở trên.

về với Cha, Người được nâng cao, được giương cao theo cả hai nghĩa: Giương cao trên thập giá và giương cao trong vinh quang. Người sẽ bị giết chết nhưng Người sẽ chiến thắng sự chết. Đó là ý nghĩa của dấu lạ La-da-rô sống lại. Việc La-da-rô sống lại báo trước sự sống lại của Đức Giê-su. Nói cách khác, qua sự chết và sự sống lại của La-da-rô, Đức Giê-su nói về sự chết và sự sống lại của chính Người.

Biến cố La-da-rô sống lại là dấu chỉ, nghĩa là Đức Giê-su không sống lại theo kiểu của La-da-rô: Sống lại về thể lý để rồi lại chết. Sự sống lại của Đức Giê-su là sự sống không còn lệ thuộc không gian và thời gian. Đó là sự sống của Thiên Chúa, Người về với Cha, đồng thời ở trong các môn đệ, như Người đã nói: “Trong ngày đó, anh em sẽ biết rằng: Thầy ở trong Cha của Thầy, anh em trong Thầy và Thầy trong anh em” (14,20).

Sự “chết” và “sống” của Đức Giê-su đan vào nhau. Người là sự sống lại và là sự sống, nhưng lại sắp phải chết. Người làm cho La-da-rô trở dậy sau khi đã chết bốn ngày, nhưng chính Người cũng không tránh khỏi cái chết. Đề tài “chết” và “sống lại” của La-da-rô nói lên ý nghĩa về sự “chết” và sự “sống lại” của Đức Giê-su. Hơn nữa, đoạn văn 11,1-54 không chỉ nói đến “chết” và “sống” của La-da-rô và của Đức Giê-su, mà còn là mặc khải quan trọng về “chết” và “sống” của người tin.

d. “Chết” và “sống” của người tin

Đề tài “chết” và “sống” của người tin được thể hiện qua cái chết của La-da-rô, qua thái độ của hai chị em Mác-ta, Ma-ri-a và qua sự chết mà các môn đệ phải hứng chịu, khi bị bách hại vì tin vào Đức Giê-su. Ý nghĩa về “chết” và “sống” của người tin qua mọi thời đại được trình bày qua phân tích các nhân vật này.

Việc La-da-rô chết vì bệnh là cái chết bình thường của thân phận con người. Đức Giê-su không can thiệp vào tiến trình sống và chết thể lý của con người. Sứ vụ của Đức Giê-su không phải là cứu con người khỏi phải chết thân xác. Sự kiện Đức Giê-su không đến cứu La-da-rô là lời mời gọi con người chấp nhận sự chết thể lý của thân phận làm người. Như đã trình bày ở trên, dấu lạ La-da-rô ra khỏi mồ không đề cao sự sống thể lý vì La-da-rô sống lại để rồi chết. Hơn nữa, chính Đức Giê-su cũng không đi ngược lại tiến trình sống và chết khi chính Người đã chết trên thập giá. Người chấp nhận sống thân phận con người, nghĩa là đón nhận cái chết mà những kẻ chống đối đã áp đặt cho Người.

Khi Đức Giê-su nói với các môn đệ: “La-da-rô, bạn của chúng ta, đang yên giấc; nhưng Thầy đi để đánh thức anh ấy” (11,11), Người đã dùng từ “ngủ” để nói về sự chết thể lý. La-da-rô đã chết mà Đức Giê-su lại nói là ngủ. Phải chăng đối với những người được gọi là “bạn của Đức Giê-su” thì chết thân xác chỉ là giấc ngủ? Câu này giúp người đọc hiểu mặc khải của Đức Giê-su trong cuộc đối thoại với Mác-ta: “Ai tin vào Thầy, thì

dù đã chết cũng sẽ được sống” (11,25), người tin vào Đức Giê-su thì chết thể xác không còn gọi là chết nữa mà là “ngủ”. Nhưng các môn đệ không hiểu, Mác-ta cũng không hiểu. Phải chờ đến lúc La-da-rô ra khỏi mồ thì các nhân vật của câu chuyện và nhất là người đọc mới có đủ các yếu tố để hiểu ý nghĩa lời mặc khải của Đức Giê-su. Dấu lạ La-da-rô ra khỏi mồ là bảo chứng cho sự sống của người tin. Ai tin thì sẽ không bao giờ chết nữa vì đã có sự sống đời đời nơi mình. Đây là mặc khải lớn lao cho con người trước bế tắc của sự chết.

Thật vậy, câu chuyện cho thấy cái chết của La-da-rô là một mất mát không thể bù đắp. Sự chết là bức tường ngăn cách không thể vượt qua. Nơi ở của người chết là phần mộ, Mác-ta đã từ chối mở phiến đá vì đã “nặng mùi” sau bốn ngày (11,39). Sau khi chết, La-da-rô trở thành người vắng mặt trong thế giới người sống. Những gì còn lại là nỗi đau mất mát trước cái chết. Những người Do-thái đến để an ủi (11,9) và chia buồn (11,31). Trước sự chết, con người chỉ còn biết khóc thương. Phiến đá che mộ nói lên sự chia ly, sự ngăn cách giữa người sống và người chết.

Giấc mơ muôn thuở của con người là tránh khỏi cái chết bao nhiêu có thể. Khi La-da-rô chưa chết, hai chị em sai người đến báo cho Đức Giê-su, với hy vọng Đức Giê-su sẽ làm cho La-da-rô khỏi chết. Khi La-da-rô đã chết rồi thì chỉ còn lại sự nuối tiếc. Cả hai chị em đều nói câu đầu tiên với Đức Giê-su: “Thưa Thầy, nếu có Thầy ở đây, em con đã không chết” (11,21.32). Những

người Do-thái cũng chỉ biết mong mỗi một điều đã không xảy ra khi họ nói: “Ông ấy đã mở mắt cho người mù lại không thể làm cho anh ấy khỏi chết sao?” (11,37) Họ nói về khả năng: “Đức Giê-su làm cho khỏi chết” chứ bây giờ La-da-rô đã chết rồi, không ai dám nghĩ đến việc anh ta sẽ sống lại.

Thái độ của Mác-ta và Ma-ri-a trong câu chuyện là hai thái độ của con người trước sự chết. Đoạn văn không nói đến Mác-ta khóc, nhưng Ma-ri-a thì khóc. Mác-ta trao đổi và tuyên xưng đức tin với Đức Giê-su, còn Ma-ri-a thì không. Mác-ta tuyên xưng niềm tin vào sự sống lại trong ngày sau hết. Còn Ma-ri-a diễn tả nỗi đau mất mát của con người trước cái chết bằng nước mắt. Cả hai đều bất lực trước sự ngăn cách giữa sống và chết. Còn Đức Giê-su, Người đem đến cho người tin điều mà không ai dám mơ tưởng.

Đứng trước sự chết, con người tin vào sự sống lại trong ngày sau hết. Niềm tin truyền thống này được thể hiện qua cuộc trao đổi giữa Đức Giê-su và Mác-ta (11,21-27). Xem ra Mác-ta ở vào tư thế chủ động và xác tín vào niềm tin của mình. Khi Đức Giê-su nói: “Em chị sẽ sống lại” (11,23). Mác-ta thưa: “Con biết rằng em con sẽ sống lại, trong sự sống lại vào ngày sau hết” (11,24). Người đọc nhận ra Mác-ta đã không hiểu đúng lời Đức Giê-su. Người muốn nói em của chị ấy sẽ sống lại ngay bây giờ thì Mác-ta lại hiểu là sống lại trong ngày sau hết. Khi Đức Giê-su nói với chị ấy: “Chính Thầy là sự sống lại và là sự sống. Ai tin vào Thầy, thì

dù đã chết cũng sẽ được sống. Và tất cả những ai sống và tin vào Thầy, sẽ không bao giờ phải chết. Chị có tin điều đó không?” (11,25-26) Mác-ta trả lời: “Thưa Thầy, có. Con vẫn tin rằng Thầy là Đức Ki-tô, Con Thiên Chúa, Đấng phải đến thế gian” (11,27). Thực ra, Mác-ta cũng không hiểu lời Đức Giê-su nói có nghĩa gì, vì khi Đức Giê-su nói: “Đem phiến đá này đi” (11,39a), Mác-ta đã từ chối và nói: “Thưa Thầy, nặng mùi rồi, vì đã bốn ngày” (11,39b). Mác-ta không hề nghĩ là em chị sẽ sống lại ngay bây giờ.

Câu nói của Đức Giê-su: “Thầy đã chẳng nói với chị rằng nếu chị tin, chị sẽ được thấy vinh quang của Thiên Chúa sao?” (11,40) là mời gọi Mác-ta đi xa hơn niềm tin truyền thống qua dấu lạ Người sắp làm. Người đọc nhận ra trong lời nói của Mác-ta, tuyên xưng về sự sống lại trong ngày sau hết (11,24) và niềm tin vào Đức Giê-su là “Đức Ki-tô, Con Thiên Chúa, Đấng phải đến thế gian” (11,27). Đó cũng là niềm tin của các Kitô hữu trong cộng đoàn Gio-an. Nhưng qua sự hiểu lầm của Mác-ta, bản văn dẫn người đọc đi xa hơn và hiểu đúng hơn mặc khải của Đức Giê-su về sự sống lại. Đối diện với sự chết, Đức Giê-su đã làm điều không ai dám nghĩ tới: Gọi La-da-rô ra khỏi mồ. Dấu lạ này là bất ngờ lớn lao cho những người chứng kiến và qua đó nhiều người đã tin vào Đức Giê-su. Theo mạch

văn, niềm tin của Mác-ta⁷⁵ trong cuộc đối thoại với Đức Giê-su (11,23-27) đã tiến thêm một bước sau khi thấy em cô ra khỏi mồ. Như thế, mục đích của câu chuyện là để mọi người chứng kiến dấu lạ (kể cả người đọc) tin vào Đức Giê-su.

Nội dung của niềm tin mà đoạn văn nêu ra gồm hai khía cạnh. Một là “Tin vào Đức Giê-su” (11,45), nghĩa là tin rằng Chúa Cha đã sai Người (11,42). Tin Đức Giê-su là sự sống lại và là sự sống (11,25). Tin rằng Người có quyền hành trên sự chết, dù Người sẽ chết nhưng Người sẽ sống lại. Khía cạnh thứ hai liên quan đến người tin: Những ai tin vào Đức Giê-su thì không còn phải chết nữa vì đã có sự sống đời đời nơi mình. Ai tin vào Đức Giê-su thì có sự sống đời đời ngay từ bây giờ chứ không phải chờ đến ngày sau hết. Đó là niềm hy vọng lớn lao cho bất kỳ ai nghe (đọc) lời Đức Giê-su và chứng kiến dấu lạ La-da-rô ra khỏi mồ. Trước sự bế tắc của con người khi đối diện với sự chết, bản văn cho thấy “chết” và “sống lại” của La-da-rô là dấu chỉ về “chết” và “sống lại” của người tin. Việc La-da-rô ra khỏi mồ không chỉ liên quan tới anh ấy, không chỉ là niềm vui của hai chị em Mác-ta và Ma-ri-a mà liên quan đến tất cả những ai tin vào Đức Giê-su qua mọi thời đại.

⁷⁵ Miềm tin của Mác-ta và vào sự sống lại trong ngày sau hết là đúng, nhưng chưa phải là điều Đức Giê-su muốn mặc khải trong đoạn văn 11,1-54.

Về phía các môn đệ, các ông sẽ cùng chịu chung số phận với Thầy, khi các ông bị bách hại và bị đe dọa giết chết vì đã tin vào Đức Giê-su. Trong ch. 11, Tô-ma đã động viên các bạn đồng môn cùng đi để chết với Thầy (11,16). Còn trước khi bước vào cuộc Thương khó, Đức Giê-su đã dặn dò các môn đệ: “Họ sẽ làm cho anh em trở thành những người bị khai trừ khỏi hội đường. Sẽ đến giờ, kẻ nào giết anh em cũng tưởng mình phụng thờ Thiên Chúa” (16,2). Đức Giê-su không cứu các môn đệ khỏi chết thể lý như La-da-rô, vậy sự sống lại của La-da-rô có ý nghĩa gì cho các môn đệ?

Ngay đầu đoạn văn 11,1-54, Đức Giê-su đã hé mở ý nghĩa việc Người sắp làm. Người nói với các môn đệ: “Thầy mừng cho anh em, để anh em tin, Thầy đã không có mặt ở đó” (11,15). Mục đích của dấu lạ: “Để anh em tin”. Tin ở đây không chỉ là tin vào sự sống lại trong ngày sau hết như Mác-ta, nhưng là tin vào sự sống đời đời ngay ở đời này dù sống hay chết về thể lý (11,25-27). Dấu lạ La-da-rô ra khỏi mồ trở thành sự khích lệ, động viên các môn đệ trong hoàn cảnh bị bách hại. Dù bị bách hại cho đến chết, các môn đệ vẫn được sống. Chúng kiến La-da-rô ra khỏi mồ, các môn đệ có thêm sức mạnh để sống theo quy luật của hạt lúa mì gieo vào lòng đất: “chết” để “sống” (12,24). La-da-rô sống lại là bảo chứng để các môn đệ dám hy sinh mạng sống mình, để giữ được sự sống như Đức Giê-su đã nói: “Ai yêu mạng sống mình sẽ mất nó; ai ghét mạng sống mình trong thế gian này, sẽ giữ được nó cho sự sống đời đời” (12,25). Dấu lạ La-da-rô ra khỏi mồ trở thành

niềm hy vọng thực sự cho các môn đệ về sự “chết” (sự chết thể lý) và sự “sống” (sự sống đời đời). Bản văn mời gọi người đọc nhận ra niềm vui và niềm hy vọng này trong hoàn cảnh bị bách hại vì niềm tin vào Đức Giê-su, cũng như khi phải đối diện với sự chết thể lý của người thân và của chính mình.

7. Kết luận

Nhờ những phân tích trên, ba câu hỏi đặt ra trong phần dẫn nhập có thể tạm thời được giải đáp.

(1) Tại sao Đức Giê-su không đến cứu La-da-rô? Người không đến cứu La-da-rô không phải vì không thương gia đình này, nhưng Người không muốn can thiệp vào quy luật sống, chết thể lý của thân phận con người. Đã là người thì không ai tránh khỏi cái chết. La-da-rô được sống lại về thể lý cũng không ra ngoài quy luật này, anh ấy sẽ lại chết. Hành trình làm người này cũng đúng với Đức Giê-su vì Người đã chết. Người là Con Thiên Chúa, đến từ Thiên Chúa, Thiên Chúa là Cha của Người, nhưng Người cũng không tránh khỏi cái chết thể lý thì việc La-da-rô chết là chuyện bình thường của đời người. Việc Đức Giê-su không đến cứu La-da-rô là lời mời gọi con người chấp nhận thân phận phải chết của mình.

(2) Tại sao Đức Giê-su làm cho La-da-rô sống lại? Dấu lạ La-da-rô sống lại là dấu chỉ về sự chết và sống lại của Đức Giê-su. Khi bước vào cuộc Thương khó, Người không thể nói lên ý nghĩa cái chết của chính

mình được nữa. Nên qua dấu lạ La-da-rô sống lại, Đức Giê-su báo trước sự sống lại của Người. Gọi La-da-rô ra khỏi mồ là minh họa về uy quyền của Đức Giê-su trên sự chết (sự chết của La-da-rô và sự chết của chính Người). Sự tôn vinh Thiên Chúa và tôn vinh Con Thiên Chúa ở 11,4.40 cần được nối kết với biến cố chết và sống lại của Đức Giê-su.

(3) Tại sao Đức Giê-su không làm cho thân nhân của người tin sống lại như La-da-rô? Đức Giê-su chia sẻ với ba chị em Mác-ta, Ma-ri-a và La-da-rô (và qua đó với người đọc) thân phận phải chết của kiếp người. Lòng mến của Đức Giê-su dành cho gia đình này thể hiện qua việc gọi La-da-rô ra khỏi mồ. Đó là điều vượt quá mong ước của hai chị em Mác-ta và Ma-ri-a. Hai cô chỉ mong La-da-rô khỏi chết vì bệnh, nhưng sự đáp trả của Đức Giê-su đi tới tận gốc rễ của sự chết: Người làm cho con người trở thành những người “không bao giờ phải chết” (11,26). Lòng mến của Đức Giê-su không chỉ dành cho ba chị em ở Bê-ta-ni-a vào thời đó mà còn dành cho người đọc qua mọi thời đại. Bất kỳ ai tin vào Người thì không còn phải chết nữa. Điều độc đáo là mặc khải của Đức Giê-su đi xa hơn niềm tin truyền thống là tin vào sự sống lại ngày sau hết. Đức Giê-su mời gọi “tin” vào sự sống đời đời ngay bây giờ. Như thế dấu lạ La-da-rô sống lại là dấu chỉ về “sự chết” và “sự sống lại” của người tin. Trước bế tắc của sự chết, Đức Giê-su chỉ ra cho người đọc phải làm gì để không phải chết đời đời ở 11,25-26:

*“Chính Thầy là sự sống lại và là sự sống.
Ai tin vào Thầy, thì dù đã chết cũng sẽ được sống.
Và tất cả những ai sống và tin vào Thầy,
sẽ không bao giờ phải chết.”*

Người đọc có dám *tin* và *sống* lời này không?

Áp dụng việc đọc bản văn như trên nhằm minh họa cho cách phân tích thuật chuyện và phân tích cấu trúc. Qua việc quan sát và tôn trọng các ý tưởng trong bản văn, người đọc có thể tìm ra được ý nghĩa độc đáo của nó. Khi tiếp cận bản văn như thế, người đọc làm cho bản văn “sống” và bản văn Lời Chúa lại làm cho người đọc được “sống”, được nuôi dưỡng trong hành trình đức tin. Những phân tích trên chỉ dựa vào bản văn, nên bất kỳ ai cũng có thể áp dụng để đọc những đoạn văn khác. Câu hỏi sau cùng được đặt ra là bản văn nói gì, nói như thế nào và có ý nghĩa gì cho người đọc.